

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2017/LĐ-ST
Ngày 04-7-2017
V/v “*Tranh chấp tiền lương*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Châu
2. Bà Đỗ Thị Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Liên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2017/TLST-LĐ ngày 21 tháng 3 năm 2017, về việc “*Tranh chấp tiền lương*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐ-HPT ngày 13 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Đồng Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Văn C, trú tại: Tổ X, ấp Y, xã Z, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; (có mặt)

1.2 Ông Tào Văn T, trú tại: Tổ X1, ấp Y1, xã Z1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; (có mặt)

1.3 Ông Hoàng Đình T, trú tại: Tổ X2, ấp Y2, xã Z2, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; (có mặt)

1.4 Ông Quách Công T, trú tại: Ấp Y3, xã Z3, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; (có mặt)

1.5 Ông Nguyễn Thế T, trú tại: Tổ X4, ấp Y4, xã Z4, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; (có mặt)

1.6 Bà Tạ Thị L, trú tại: Tổ X5, ấp Y5, xã Z5, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; (có mặt)

1.7 Bà Trần Thị L, trú tại: Tổ X6, ấp Y6, xã Z6, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; (có mặt)

1.8 Bà Trần Thị H, trú tại: Tổ X7, ấp Y7, xã Z7, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; (có mặt)

1.9 Bà Nguyễn Lê Xuân M, trú tại: Tổ X8, ấp Y8, xã Z8, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; (có mặt)

1.10 Bà Nguyễn Thị Ngọc N, trú tại: Tổ X9, ấp Y9, xã Z9, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty cổ phần thép Q

Địa chỉ công ty: Khu công nghiệp MX , huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông DR, trú tại đường A, Tổ Y, khu phố Z, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Công ty) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng đồng nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn C, ông Tào Văn T, ông Hoàng Đình T, Ông Quách Công T, Ông Nguyễn Thế T, Bà Tạ Thị L, Bà Trần Thị L, Bà Trần Thị H, Bà Nguyễn Thị Ngọc N, Bà Nguyễn Lê Xuân M và Công ty cổ phần thép Q (Sau đây gọi tắt là Công ty Q) ký các hợp đồng lao động không xác định thời hạn, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn C ký hợp đồng số Q01220-2015 ngày 23-4-2015, loại hợp đồng không xác định thời hạn, công việc được giao là nhân viên chăm sóc cây cảnh, với mức lương 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn), ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng: Ông C không bị công ty kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao. Ngày 21-10-2016, Ông C ký Phụ lục hợp đồng số Q01220-2016/PLHĐ, với mức lương cơ bản được trả là 4.800.000 đồng/1 tháng.

Theo đơn khởi kiện, Ông C yêu cầu Công ty Q trả lương tháng 9, tháng 10/2016 và tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ: 15.339.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ba mươi chín ngàn) (theo phiếu lương công ty đã trả).

Trả lương tháng 11/2016: 3.596.000 đồng (cách tính: 8.500.000 đồng/26 ngày công).

Tiền lương những ngày chờ việc và không thông báo cụ thể đến tháng 02/2017 là 3 tháng x 70% x 8.500.000 đồng = 17.850.000 đồng. (mười bảy triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Trợ cấp mất việc 02 tháng tiền lương: 8.500.000 đồng x 2 = 17.000.000 đồng.

- Ông Tào Văn T ký hợp đồng số Q00611-2013 ngày 16-01-2013, loại hợp đồng không xác định thời hạn, công việc được giao làm thợ vận hành cầu, với mức lương 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn), ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 01-7-2016, ông Thoại được ký phụ lục hợp đồng với mức lương được trả là 4.860.000 đồng/1 tháng.

Theo đơn khởi kiện, ông T yêu cầu Công ty cổ phần thép Q phải trả lương tháng 9, tháng 10 năm 2016 và tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ: 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) + 21 ngày lương tháng 11 năm 2016.

- Ông Hoàng Đình T ký hợp đồng số Q00232-2012 ngày 07-8-2012, loại hợp đồng không xác định thời hạn, công việc được giao làm thợ lắp, với mức lương là 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn), ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng: Đầu tháng 01 năm 2016, ông được ký phụ lục hợp đồng với mức lương là 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn). Ngày 21-9-2016, ông T được ký phụ lục hợp đồng với công việc thợ lắp máy và mức lương được trả là 5.500.000 đồng/1 tháng.

Theo đơn khởi kiện, ông T yêu cầu Công ty Q phải trả lương tháng 9, tháng 10 năm 2016 và tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ: 14.531.200 đồng (mười bốn triệu năm trăm ba mươi một ngàn hai trăm đồng) + 21 ngày lương tháng 11 năm 2016.

- Ông Quách Công T ký hợp đồng số Q00043 - 2014 ngày 07-01-2014, loại hợp đồng không xác định thời hạn, công việc được giao làm đốc công, với mức lương 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn), ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 01-01-2016, ông T được ký phụ lục hợp đồng với mức lương được trả là 6.800.000 đồng/1 tháng.

Theo đơn khởi kiện, ông T yêu cầu Công ty Q phải trả lương tháng 9, tháng 10 năm 2016 và tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ: 13.600.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm ngàn đồng) + 21 ngày lương tháng 11 năm 2016.

- Ông Nguyễn Thế T ký hợp đồng số Q00419-2012 ngày 11-11-2012, loại hợp đồng không xác định thời hạn, công việc được giao là thợ hàn bậc cao, với mức lương 5.000.000đ (năm triệu đồng), ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ

cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng: Từ tháng 01 năm 2016 Ông Nguyễn Thế T ký phụ lục hợp đồng với mức lương là 7.500.000 đồng/1 tháng. Ngày 21-9-2016, ông Trung được ký phụ lục hợp đồng với mức lương được trả là 7.900.000 đồng/1 tháng.

Theo đơn khởi kiện, ông T yêu cầu Công ty Q phải trả lương tháng 9, tháng 10 năm 2016 và tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ: 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng) + 21 ngày lương tháng 11 năm 2016.

- Bà Tạ Thị L ký hợp đồng số Q00126-2012 ngày 16-3-2012, loại hợp đồng không xác định thời hạn, công việc được giao làm tạp vụ, với mức lương 2.640.000 đồng (hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn), ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 01-01-2015, bà Lợi được ký phụ lục hợp đồng với mức lương được trả là 3.900.000 đồng/1 tháng (ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Theo đơn khởi kiện, bà L yêu cầu Công ty Q phải trả lương tháng 9, tháng 10 năm 2016 và tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ: 11.700.000 đồng (mười một triệu bảy trăm ngàn đồng) + 21 ngày lương tháng 11 năm 2016.

- Bà Trần Thị L ký hợp đồng số Q01422-2016 ngày 02-6-2016, loại hợp đồng không xác định thời hạn, công việc được phân công làm tạp vụ, với mức lương là 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn), ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao.

Theo đơn khởi kiện, bà L buộc Công ty Q phải trả lương tháng 9, tháng 10 năm và tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ: 11.700.000 đồng (mười một triệu bảy trăm ngàn đồng) + 21 ngày lương tháng 11 năm 2016.

- Bà Trần Thị H ký hợp đồng lao động thời hạn 01 năm ngày 24-8-2010, công việc được giao làm tạp vụ, với mức lương là 1.980.000 đồng (một triệu chín trăm tám mươi nghìn), ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng: Đến ngày 21-5-2012, theo Phụ lục hợp đồng số Q00277/2012, bà Hải được chuyển sang ký hợp đồng không xác định thời hạn với mức lương là 2.530.000 đồng (hai triệu năm trăm ba mươi nghìn), đến ngày 01-4-2016, bà Hải được nâng mức lương là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn).

Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu Công ty cổ phần thép Q phải trả cho Bà Trần Thị H lương tháng 9, tháng 10 năm 2016 và tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ: 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm ngàn đồng) + 21 ngày lương tháng 11 năm 2016.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc N ký hợp đồng số Q01299-2015 ngày 14-12-2015, loại hợp đồng không xác định thời hạn, công việc được giao làm Nhân viên quản lý tài liệu, với mức lương 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn), ngoài mức lương cơ

bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 01-5-2016, bà Như được ký phụ lục hợp đồng số Q01299-2016 với mức lương được trả là 5.600.000 đồng/1 tháng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu Công ty cổ phần thép Q phải trả cho Bà Nguyễn Thị Ngọc N lương tháng 9, tháng 10-2016 và tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ: 11.200.000 đồng (mười một triệu hai trăm ngàn đồng) + 21 ngày lương tháng 11 năm 2016.

- Bà Nguyễn Lê Xuân M ký hợp đồng số Q01121-2015 ngày 25-8-2015, loại hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc được giao làm lễ tân kiêm quản lý và mức lương khởi điểm là 5.000.000 đồng, ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 01-01-2016, bà Như được ký phụ lục hợp đồng với mức lương là 8.500.000 đồng/1 tháng.

Theo đơn khởi kiện, bà M yêu cầu Công ty cổ phần thép Q phải trả cho Bà Nguyễn Lê Xuân M các khoản sau:

Trả lương tháng 9, tháng 10 năm 2016 và tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ: 15.339.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ba mươi chín ngàn)

Trả lương tháng 11 năm 2016: 3.596.000 đồng (cách tính: 8.500.000 đồng/26 ngày công).

Tiền lương những ngày chờ việc và không thông báo cụ thể đến tháng 02/2017 là 3 tháng x 70% x 8.500.000 đồng = 17.850.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Trợ cấp mất việc 02 tháng tiền lương: 8.500.000 đồng x 2 = 17.000.000 đồng.

Trước khi mở phiên tòa và cũng như tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C, ông Tào Văn T, ông Hoàng Đình T, ông Quách Công T, ông Nguyễn Thế T, Bà Tạ Thị L, bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Lê Xuân M, tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Q thanh toán tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ, tiền lương chờ việc, tiền trợ cấp mất việc. Các nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty Q phải thanh toán tiền lương, dựa trên mức lương cơ bản cuối cùng mà ông bà được hưởng, của tháng 9, tháng 10 năm 2016 và 21 ngày làm việc trong tháng 11 năm 2016.

Quá trình tố tụng bị đơn trình bày: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn theo đúng quy định tại nhưng Công ty Q không đến làm việc, không có văn bản trả lời và không cung cấp chứng cứ nên không ghi nhận được ý kiến.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492033000096 sửa đổi lần 3 ngày 08-7-2014 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cung cấp cho Tòa án, thì Công ty cổ

phần thép Q có trụ sở Khu công nghiệp MX , huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông DR, hiện nay Công ty Q chưa làm thủ tục giải thể hay phá sản.

Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo Phiên hòa giải, Thông báo Phiên họp kiểm tra giao nộp và tiếp cận công khai đánh giá chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho Công ty Q theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vẫn không có mặt làm việc, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty Q phải thanh toán tiền nợ lương cho các nguyên đơn, về án phí Công ty Q phải nộp theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:* Các đồng nguyên đơn khởi kiện Công ty cổ phần thép Q, trụ sở: Khu công nghiệp MX , huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, yêu cầu thanh toán tiền nợ lương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp tiền lương”.

[2] *Về điều kiện khởi kiện:* Vụ án đã được Phòng lao động huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tổ chức hòa giải vào ngày 29 tháng 11 năm 2016 đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 201 Bộ luật lao động 2012.

[3] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:* Đối với bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Thành triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa

mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[4] *Xét hợp đồng lao động giữa các đồng nguyên đơn và Công ty Q:*

Về hình thức và thẩm quyền giao kết hợp đồng: Các nguyên đơn và Công ty Q, đại diện ký hợp đồng là ông KA, tự nguyện giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản đúng theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 24 Bộ luật lao động.

Các nguyên đơn đủ điều kiện giao kết hợp đồng theo khoản 1 Điều 2 và khoản 1 Điều 3 Bộ luật lao động. Công ty Q, là người có nghĩa vụ chứng minh việc ông KA có thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động theo Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên cho đến phiên tòa sơ thẩm, Công ty Q không cung cấp chứng cứ phản bác cho Tòa án nên Hội đồng xét xử xác định ông KA là người có thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động của Công ty Q, theo điểm g, khoản 3, Điều 157 Luật doanh nghiệp, điểm a khoản 1 Điều 14 Thông tư 30/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động thương binh xã hội.

Vì vậy căn cứ Điều 22, Điều 25 Bộ luật lao động, Điều 1 của Hợp đồng lao động, Hội đồng xét xử xác định việc giao kết hợp đồng giữa các bên có hiệu lực pháp luật và loại hợp đồng đã ký là hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Về nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng:

Theo các chứng cứ gồm Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng lao động do nguyên đơn cung cấp là hoàn toàn phù hợp với những chứng cứ do Tòa án thu thập gồm các và các bản sao kê tài khoản có xác nhận ngân hàng từ tháng 01 năm 2016 đến tháng 8 năm 2016. Do đó Hội đồng xét xử xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có phát sinh quan hệ lao động, được thể hiện như sau:

Ông Nguyễn Văn C và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc chăm sóc cây cảnh và mức lương cơ bản tính từ ngày 21 tháng 10 năm 2016, là 4.800.000 đồng/1 tháng.

Ông Tào Văn T và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc thợ cầu và mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 4.860.000 đồng/1 tháng.

Ông Hoàng Đình T và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc là thợ lắp và mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 4.800.000 đồng/1 tháng

Ông Quách Công T và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc là đốc công, và mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 6.800.000 đồng/1 tháng

Ông Nguyễn Thế T và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc thợ hàn và mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 7.900.000 đồng/1 tháng

Bà Tạ Thị L và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc tạp vụ và mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 3.900.000 đồng/1 tháng

Bà Trần Thị L và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc tạp vụ và mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 3.300.000 đồng/1 tháng

Bà Trần Thị H và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc tạp vụ và mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 3.500.000 đồng/1 tháng

Bà Nguyễn Thị Ngọc N và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc nhân viên quản lý và mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 5.600.000 đồng/1 tháng

Bà Nguyễn Lê Xuân M và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc làm quản lý dân sự và mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 8.600.000 đồng/1 tháng

Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên

Quá trình thực hiện hợp đồng của ông Nguyễn Văn C, ông Tào Văn T, ông Hoàng Đình T, ông Quách Công T, ông Nguyễn Thế T, bà Tạ Thị L, bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Lê Xuân M đã thực hiện đầy đủ nội dung và yêu cầu công việc theo hợp đồng lao động đã ký.

Quá trình thực hiện hợp đồng của Công ty Q thì thấy từ khi ký hợp đồng cho đến tháng 8/2016, Công ty Q thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Từ tháng 9 năm 2016 đến ngày 14 tháng 11 năm 2016, Công ty Q không trả lương cho người lao động. Ngày 14/11/2016, công ty ngưng hoạt động nhưng không thông báo cho người lao động. Như vậy phía Công ty Q đã vi phạm nghĩa vụ “*Bảo đảm việc làm, thanh toán đầy đủ, đúng hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng, cụ thể lương của người lao động được chuyển vào tài khoản cá nhân vào ngày 5 mỗi tháng*” được quy định tại Điều 3, Điều 4 Hợp đồng lao động, Điều 96 Bộ luật lao động và “*Trường hợp đặc biệt do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể trả lương đúng thời hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động thì không được trả chậm quá 01 tháng*” được quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 05/2015/NĐ - CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ.

Về nguyên nhân và lỗi dẫn đến chấm dứt quan hệ lao động giữa các bên

Theo Công văn số 973/ĐLTT-KĐĐN ngày 03-7-2017 của Điện lực Tân Thành trả lời do Công ty Q nợ số tiền điện là 134.300.420đ nhưng không thanh toán nên đã bị ngừng cung cấp điện vào lúc 14 giờ 35 phút ngày 11-11-2016, Công văn số 01/2017/CV-HL ngày 03-7-2017 của Công ty CP dịch vụ và bảo vệ - vệ sĩ Huỳnh Long, là công ty bảo vệ cho Công ty Q, xác nhận do Công ty Q ngưng hoạt động nên

người lao động bắt đầu nghỉ việc từ ngày 14-11-2016, Công văn số 411/BQL-ĐT ngày 03-4-2017 của Ban quản lý các khu công nghiệp IDICO, về việc Công ty Q tự ngưng hoạt động và không thông báo gì đến cơ quan chức năng.

Như vậy từ ngày 11-11-2016, Công ty Q bị ngừng cung cấp điện dẫn đến người lao động không thể làm việc. Đến ngày 14-11-2016, công ty ngừng hoạt động nhưng Ban giám đốc Công ty Q không có bất kì thông báo hay quyết định nào báo cho phía nguyên đơn nên đã vi phạm theo điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 47 Bộ luật lao động. Xét Công ty Q đã không thực hiện đúng hợp đồng lao động là trả lương đúng kỳ hạn và đảm bảo điều kiện làm việc cho người lao động nên việc các nguyên đơn buộc phải nghỉ việc vào ngày 14-11-2017 là có lý do chính đáng theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 37 Bộ luật lao động, và lỗi dẫn đến chấm dứt quan hệ lao động hoàn toàn thuộc về phía Công ty Q.

Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn, chấm dứt quan hệ hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Văn C, ông Tào Văn T, ông Hoàng Đình T, ông Quách Công T, ông Nguyễn Thế T, bà Tạ Thị L, bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Lê Xuân M với Công ty Q, kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2016.

[5]Xét yêu cầu Công ty Q thanh toán tiền lương tháng 9 và tháng 10 năm 2016 + 21 ngày làm việc tháng 11 năm 2016.

Nhận thấy theo Điều 1, Điều 2 của hợp đồng lao động đã ký giữa các bên quy định thời gian làm việc từ thứ 2 đến thứ 7 (không tính chủ nhật), tháng làm việc được tính từ ngày 21 tháng này đến ngày 20 tháng sau, trừ đi 4 ngày chủ nhật. Như vậy, thời gian làm việc từ ngày 21-10-2016 đến ngày 14-11-2016, được tính có 21 ngày. Căn cứ Điều 21, Điều 22 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn tiền lương, quy định: “*Tiền lương tháng được trả cho một tháng làm việc xác định trên cơ sở hợp đồng lao động*”, đồng thời điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ lao động thương binh xã hội, quy định: “*Tiền lương ngày được trả cho một ngày làm việc xác định trên cơ sở tiền lương tháng chia cho số ngày làm việc bình thường trong tháng theo quy định của pháp luật mà doanh nghiệp lựa chọn, nhưng tối đa không quá 26 ngày*”. Do đó việc Các nguyên đơn yêu cầu Công ty Q trả lương theo công thức: Lương tháng 9 và tháng 10 + 21 ngày làm việc tháng 11 (Lương: 26 ngày x 21 ngày), là phù hợp quy định pháp luật cũng như hợp đồng các bên đã ký nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, xét thấy các nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Q thanh toán tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ, tiền lương chờ việc, tiền trợ cấp mất việc nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên.

Vì vậy căn cứ Điều 37, Điều 90, Điều 96 Bộ luật lao động, điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ lao động thương binh xã hội, Điều 21, Điều 22 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc Công ty Q phải thanh toán tiền lương cho các nguyên đơn với số tiền được tính toán cụ thể như sau:

- Buộc Công ty Q trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền lương:

$4.500.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ (tháng 9, tháng 10-2016)} + (4.800.000 \text{ đồng} : 26 \text{ ngày} \times 21 \text{ ngày công tháng 11}) = 9.000.000 \text{ đồng} + 3.877.000 \text{ đồng} = 12.877.000 \text{ đồng}$ (mười hai triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng);

- Buộc Công ty Q trả cho ông Tào Văn T số tiền lương:

$4.860.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ (tháng 9, tháng 10-2016)} + (4.860.000 \text{ đồng} : 26 \text{ ngày} \times 21 \text{ ngày công tháng 11}) = 9.720.000 \text{ đồng} + 3.925.000 \text{ đồng} = 13.645.000 \text{ đồng}$ (mười ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn);

- Buộc Công ty Q trả cho ông Hoàng Đình T số tiền lương:

$4.800.000 \text{ đồng (lương tháng 9-2016)} + 5.500.000 \text{ đồng (lương tháng 10-2016)} + (5.500.000 \text{ đồng} : 26 \text{ ngày} \times 21 \text{ ngày công tháng 11-2016}) = 10.300.000 \text{ đ} + 4.442.000 \text{ đồng} = 14.742.000 \text{ đồng}$ (mười bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn);

- Buộc Công ty Q trả cho ông Quách Công T số tiền lương:

$6.800.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ (lương tháng 9, tháng 10-2016)} + (6.800.000 \text{ đồng} : 26 \text{ ngày} \times 21 \text{ ngày công tháng 11-2016}) = 13.600.000 \text{ đồng} + 5.492.000 \text{ đồng} = 19.092.000 \text{ đồng}$ (mười chín triệu không trăm chín mươi hai nghìn);

- Buộc Công ty Q trả cho ông Nguyễn Thế T số tiền lương:

$7.900.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ (lương tháng 9, tháng 10-2016)} + (7.900.000 \text{ đồng} : 26 \text{ ngày} \times 21 \text{ ngày công tháng 11-2016}) = 15.800.000 \text{ đồng} + 6.381.000 \text{ đồng} = 22.781.000 \text{ đồng}$ (hai mươi hai triệu bảy trăm tám mươi một nghìn);

- Buộc Công ty Q trả cho bà Tạ Thị L số tiền lương:

$3.900.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ (lương tháng 9, tháng 10-2016)} + (3.900.000 \text{ đồng} : 26 \text{ ngày} \times 21 \text{ ngày công tháng 11-2016}) = 7.800.000 \text{ đồng} + 3.150.000 \text{ đ} = 10.950.000 \text{ đồng}$ (mười triệu chín trăm năm mươi nghìn);

- Buộc Công ty Q trả cho bà Trần Thị L số tiền lương:

$3.300.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ (lương tháng 9, tháng 10-2016)} + (3.300.000 \text{ đồng} : 26 \text{ ngày} \times 21 \text{ ngày công tháng 11-2016}) = 6.600.000 \text{ đồng} + 2.665.000 \text{ đồng} = 9.265.000 \text{ đồng}$ (chín triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn);

- Buộc Công ty Q trả cho bà Trần Thị H số tiền lương :

3.500.000 đồng x 2 (lương tháng 9, tháng 10-2016) + (3.500.000 đồng : 26 ngày x 21 ngày công tháng 11-2016) = 7.000.000 đồng + 2.827.000đ = 9.827.000 đồng (chín triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn);

- Buộc Công ty Q trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền lương:

5.600.000 đồng x 2 (lương tháng 9, tháng 10-2016) + (5.600.000đ : 26 ngày x 21 ngày công tháng 11-2016) = 11.200.000 đồng + 4.523.000 đồng = 15.723.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn);

- Buộc Công ty Q trả cho bà Nguyễn Lê Xuân M số tiền lương:

8.500.000 đồng x 2 (lương tháng 9, tháng 10-2016) + (8.500.000 đồng : 26 ngày x 21 ngày công tháng 11-2016) = 17.000.000 đồng + 6.865.000 đồng = 23.865.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn).

Tổng số tiền lương Công ty Q phải thanh toán cho các nguyên đơn là 152.767.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn).

Đối với Công ty Q trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng Công ty Q không có mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự cho Tòa án nên được coi từ bỏ quyền bảo vệ mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[4] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của các nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên Công ty Q phải nộp án phí lao động sơ thẩm số tiền 152.767.000 đồng x 3% = 4.583.010 đồng (Bốn triệu năm trăm tám mươi ba nghìn không trăm lẻ mười).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 37, Điều 90, Điều 96 Bộ luật lao động; điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ lao động thương binh xã hội; Điều 21, Điều 22 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, ông Tào Văn T, ông Hoàng Đình T, ông Quách Công T, ông Nguyễn Thế T, bà Tạ Thị L, bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Lê Xuân M về việc “Tranh chấp tiền lương”.

Tuyên bố: Quan hệ lao động giữa ông Nguyễn Văn C, ông Tào Văn T, ông Hoàng Đình T, ông Quách Công T, ông Nguyễn Thế T, bà Tạ Thị L, bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Lê Xuân M với Công ty Q chấm dứt kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán toàn bộ tiền tiền lương tháng 9, tháng 10 năm 2016 và 21 ngày lương làm việc trong tháng 11 năm 2016 cho phía nguyên đơn, với số tiền cụ thể như sau:

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn C, số tiền lương chưa trả là 12.877.000 đồng (mười hai triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Tào Văn T, số tiền lương chưa trả 13.645.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Hoàng Đình T số tiền lương chưa trả là 14.742.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Quách Công T, số tiền lương chưa trả là 19.092.000 đồng (mười chín triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Nguyễn Thế T, số tiền lương chưa trả là 22.781.000 đồng (hai mươi hai triệu bảy trăm tám mươi một nghìn);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho bà Tạ Thị L số tiền lương chưa trả là 10.950.000 đồng (mười triệu chín trăm năm mươi nghìn);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho bà Trần Thị L, số tiền lương chưa trả là 9.265.000 đồng (chín triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho bà Trần Thị H, số tiền lương chưa trả là 9.827.000 đồng (chín triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc N, số tiền lương chưa trả 15.723.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho bà Nguyễn Lê Xuân M, số tiền lương chưa trả là 23.865.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu Công ty Q thanh toán tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ, tiền lương chờ việc, tiền trợ cấp mất việc của ông Nguyễn Văn C, ông Tào Văn T, ông Hoàng Đình T, ông Quách Công T, ông Nguyễn Thế T, bà Tạ Thị L, bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Lê Xuân M.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, Công ty cổ phần thép Q phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 4.583.010 đồng (Bốn triệu năm trăm tám mươi ba nghìn không trăm lẻ mười).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND H.Tân Thành;
- THADS H. Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Bảo Ngọc